

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

Số: 2288/QĐ-UBND

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bình Dương, ngày 02 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng
huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến năm 2040**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/06/2015 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật tổ chức Chính Phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014 và Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng ngày 17/06/2020;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;

Căn cứ Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 72/2019/NĐ-CP ngày 30/8/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 37/2010/NĐ-CP ngày 07/4/2010 về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 quy định chi tiết một số nội dung về quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;

Căn cứ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn;

Xét Tờ trình số 101/TTr-UBND ngày 30/7/2024 của Ủy ban nhân dân huyện Bàu bàng về việc thẩm định, điều chỉnh bổ sung Nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đến năm 2040; Văn bản thẩm định số 2417/SXD-QHKT ngày 01/8/2024 và Công văn số 2418/SXD-QHKT ngày 01/8/2024 của Sở Xây dựng báo cáo về hồ sơ điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đến năm 2040;

Căn cứ Thông báo số 273/TB-UBND ngày 02/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh tại phiên họp Ủy ban nhân dân tỉnh lần thứ 67 - khóa X.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến năm 2040, với nội dung như sau:

1. Lý do điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ quy hoạch

- Nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 và phê duyệt điều chỉnh bổ sung tại Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 25/6/2021. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 44/2015/NĐ-CP ngày 06/5/2015 của Chính phủ thời gian lập đồ án quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đã quá 12 tháng nên cần rà soát điều chỉnh để có cơ sở triển khai theo đúng quy định.

- Hiện nay, cần cập nhật các căn cứ pháp lý mới có liên quan được ban hành giai đoạn sau khi ban hành Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 25/6/2021, cụ thể gồm có các văn bản như:

+ Thông tư 01/2021/TT-BXD ngày 19/5/2021 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 01:2021/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về quy hoạch xây dựng.

+ Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng về việc Quy định về hồ sơ nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng huyện, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

+ Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng về việc ban hành QCVN 07:2023/BXD Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Đồng thời cần rà soát, cập nhật về tính chất, chức năng vùng huyện, các dự báo phù hợp với định hướng Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

Vì vậy, cần điều chỉnh nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng để phù hợp với các quy chuẩn hiện hành và phù hợp với Quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050. Nội dung như sau:

2. Tên quy hoạch điều chỉnh: Điều chỉnh nhiệm vụ Quy hoạch xây dựng Vùng huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương đến năm 2040.

3. Phạm vi ranh giới lập quy hoạch, thời gian lập quy hoạch

- Phạm vi nghiên cứu trực tiếp gồm toàn bộ ranh giới hành chính huyện Bàu Bàng với diện tích tự nhiên là 34.002,11ha, gồm có 07 đơn vị hành chính gồm 06 xã và 01 thị trấn: thị trấn Lai Uyên, xã Cây Trường II, Hưng Hòa, Lai Hưng, Long Nguyên, Tân Hưng, Trừ Văn Thố, tiếp giáp xung quanh như sau:

+ Phía Bắc : giáp thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

+ Phía Nam : giáp thành phố Bến Cát.

+ Phía Đông : giáp huyện Phú Giáo.

+ Phía Tây : giáp huyện Dầu Tiếng.

- Tỷ lệ quy hoạch: 1/25.000.

- Thời gian lập quy hoạch: Giai đoạn ngắn hạn đến năm 2030, giai đoạn dài hạn đến năm 2040.

4. Quan điểm và mục tiêu

- Cụ thể hóa quy hoạch tỉnh Bình Dương thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang triển khai.

- Cụ thể hóa các định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện Bàu Bàng.

- Cụ thể hóa mục tiêu xây dựng các huyện nông thôn mới trên địa bàn tỉnh, trong đó, có huyện Bàu Bàng với định hướng hoàn thành tiêu chí huyện nông thôn mới làm tiền đề phấn đấu các giai đoạn tiếp theo đạt các chỉ tiêu đô thị loại III, trở thành Thị xã thuộc tỉnh.

- Nghiên cứu định hướng phát triển không gian vùng huyện, phân vùng kinh tế, hệ thống điểm dân cư đô thị và nông thôn, bố trí cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật phù hợp với các giai đoạn phát triển kinh tế-xã hội của Huyện đề ra trong mối quan hệ với Vùng tỉnh và các khu vực xung quanh.

- Làm cơ sở triển khai các quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng, xác định các dự án ưu tiên đầu tư, phát triển và quản lý đô thị, các khu vực dân cư nông thôn, khu vực phát triển đô thị, công nghiệp, du lịch, hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật chuyên ngành đảm bảo sự phát triển hài hòa, đồng bộ.

5. Tính chất, chức năng

- Là huyện phát triển theo hướng công nghiệp - dịch vụ - nông nghiệp, ưu tiên phát triển công nghiệp dịch vụ, trong tương lai trở thành “Trung tâm đổi mới sáng tạo - công nghiệp” phía Bắc của tỉnh Bình Dương.

- Là huyện cửa ngõ phía Bắc của tỉnh Bình Dương, kết nối với tỉnh Bình Phước và khu vực Tây Nguyên thông qua tuyến Quốc lộ 13.

- Là vùng Kinh tế phía Bắc của tỉnh, có sự tác động tương hỗ và gắn kết với không gian kinh tế của huyện Dầu Tiếng và huyện Phú Giáo, thành phố Bến Cát.

- Là khu vực phát triển công nghiệp (đa ngành, chế biến nông lâm sản), phát triển khu phức hợp Văn hóa - Thể thao, Y tế, Giáo dục đào tạo cấp vùng, trung tâm dịch vụ - thương mại cấp vùng, du lịch sinh thái, du lịch văn hóa lịch sử.

- Đô thị Bàu Bàng đạt tiêu chí đô thị loại III, trở thành thị xã thuộc tỉnh Bình Dương.

6. Quy mô dân số

Dự báo đến năm 2030 khoảng 320.000 - 350.000 người; đến năm 2040 khoảng 480.000 - 500.000 người.

7. Các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật cơ bản

a) Chỉ tiêu sử dụng đất

- Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng: 50 – 80m²/người (đô thị loại III và IV);

- Chỉ tiêu sử dụng đất dân dụng: 70 – 100m²/người (đô thị loại V).

b) Chỉ tiêu hạ tầng kỹ thuật

Stt	Hạng mục	Đơn vị Tính	Năm tính	
			2030	2040
1	Giao thông			
	1.1 Khu vực đô thị			
	- Mật độ đường (tính đến đường có chiều rộng lộ giới $\geq 7.5\text{m}$)	km/km ²	≥ 6	≥ 8
	- Tỷ lệ đất giao thông/đất đô thị	%	≥ 11	≥ 16
	- Diện tích đất giao thông/dân số nội thị	m ² /ng	≥ 5	≥ 7
	- Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng	%	≥ 5	≥ 10
	1.2 Khu vực nông thôn			
	- Đường từ huyện đến xã, liên xã, đường từ xã xuống thôn	cấp	$\geq \text{VI}$ (mặt đường $\geq 3.5\text{m}$, nền đường $\geq 6.5\text{m}$)	$\geq \text{VI}$ (mặt đường $\geq 3.5\text{m}$, nền đường $\geq 6.5\text{m}$)

Stt	Hạng mục	Đơn vị Tính	Năm tính	
			2030	2040
2	Cấp nước			
	- Tiêu chuẩn cấp nước đô thị	L/người/ngày	200	200
	Tỷ lệ cấp nước	%	100	100
	- Tiêu chuẩn cấp nước nông thôn	L/người/ngày	180	180
	Tỷ lệ cấp nước	%	100	100
	- Tiêu chuẩn cấp nước công nghiệp	m ³ /ha	30	30
3	Thoát nước bản			
	- Tiêu chuẩn nước thải dân dụng	% cấp nước	>80%	>80%
	- Tiêu chuẩn nước thải công nghiệp		>80%	>80%
4	Cấp điện			
	- Tiêu chuẩn cấp điện dân dụng cho đô thị	W/người	330	500
	- Tiêu chuẩn cấp điện công nghiệp và TTCN	kW/ha	140 - 350	140 - 350
5	Hạ tầng viễn thông (Theo Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15)	thuê bao	70 thuê bao/100 người	70 thuê bao/100 người

8. Các nội dung yêu cầu nghiên cứu quy hoạch

a) Đánh giá hiện trạng

- Khảo sát, đánh giá hiện trạng sử dụng đất hiện trạng các công trình hạ tầng kỹ thuật trên nền bản đồ địa hình tỷ lệ 1/25.000 đảm bảo theo quy định; khảo sát các điều kiện tự nhiên, rà soát các quy hoạch, đồ án có liên quan; đánh giá tổng hợp theo phương pháp SWOT.

- Rà soát đánh giá việc thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới các xã, quy hoạch đô thị và quy hoạch chuyên ngành đã được phê duyệt trên địa bàn huyện.

- Phân tích đánh giá các điều kiện tự nhiên, khí hậu, thủy văn, đặc điểm địa hình, địa chất công trình, địa chất thủy văn, địa chất tài nguyên, địa chấn.

- Đánh giá hiện trạng kinh tế - xã hội: phân tích đánh giá các chỉ tiêu phát triển kinh tế, xã hội theo các dự báo phát triển của địa phương và của tỉnh trên cơ sở đó, lựa chọn các chỉ tiêu dự báo làm cơ sở phân tích các tính chất, chỉ tiêu cụ thể trong phương án quy hoạch, tỷ lệ tăng trưởng hàng năm, GRDP/năm và cơ cấu kinh tế huyện.

b) Xác định các tiền đề phát triển vùng huyện

- Bối cảnh phát triển vùng;
- Mục tiêu phát triển vùng;
- Tiềm năng, động lực phát triển vùng;
- Tính chất, chức năng vùng;
- Dự báo quy mô dân số, lao động, đất đai, tỷ lệ đô thị hóa,...theo các giai đoạn phát triển ngắn hạn và dài hạn;
- Các chỉ tiêu kinh tế-kỹ thuật.

c) Nghiên cứu định hướng tổ chức không gian vùng

- Đề xuất, lựa chọn mô hình phát triển không gian vùng phù hợp thực trạng phát triển trên cơ sở các dự báo, chương trình và kế hoạch phát triển của huyện và tỉnh. Nghiên cứu mô hình đối với các trục động lực phát triển vùng dọc các tuyến đường: Quốc lộ 13, đường tạo lực Mỹ Phước - Bàu Bàng, đường Bàu Bàng - Phú Giáo - Bắc Tân Uyên,...

- Tổ chức hệ thống các đô thị (định hướng lộ trình nâng cấp các đô thị, tốc độ đô thị hóa), các điểm dân cư nông thôn, xác định cụ thể các khu vực dân cư phát triển mới.

- Định hướng phát triển nhà ở xã hội huyện Bàu Bàng.

- Định hướng phát triển cây xanh đô thị trên địa bàn huyện Bàu Bàng.

- Định hướng tổ chức không gian các cơ sở công nghiệp, thương mại dịch vụ phù hợp với điều kiện của địa phương và khai thác tiềm năng, lợi thế về đất đai, lao động, hạ tầng.

- Định hướng các khu sản xuất nông nghiệp: Xây dựng các khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu nuôi trồng và chế biến nông sản nhằm tạo ra các vùng sản xuất tập trung lớn.

- Định hướng hệ thống công trình hạ tầng xã hội bao gồm: Trung tâm giáo dục, đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao, thương mại dịch vụ cấp tỉnh, cấp vùng cấp huyện; khu vực bảo vệ cảnh quan thiên nhiên, môi trường và bảo tồn các di tích văn hóa - lịch sử có giá trị.

- Đối với vùng trung tâm huyện: Làm rõ quan điểm, nguyên tắc, tiêu chí cho các giải pháp định hướng phát triển không gian vùng đô thị trung tâm, làm tiền đề cho các nghiên cứu quy hoạch sau này.

- Dự báo về quy mô đất đai theo từng giai đoạn cho khu vực đô thị, khu vực nông thôn và các khu chức năng. Tổng hợp bằng bảng biểu các số liệu quy hoạch liên quan.

d) Định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng kỹ thuật

- Về định hướng giao thông: cập nhật các định hướng, quy hoạch chuyên ngành giao thông, quy hoạch tỉnh Bình Dương; đề xuất, tổ chức mô hình giao thông phù đảm bảo kết nối giao thông giữa các tiểu vùng trong huyện, kết nối các huyện, thị xã, thành phố trong và ngoài tỉnh Bình Dương. Đề xuất các giải pháp cải tạo, nâng cấp, xây dựng mới các tuyến đường huyện đảm bảo kết nối giao thông và mục tiêu phát triển kinh tế; đề xuất giải pháp giao thông công cộng, công trình đầu mối giao thông.

- Về định hướng chuẩn bị kỹ thuật: phân tích, đánh giá về địa hình, các biến động địa chất; các giải pháp về san nền, thoát nước, phòng chống và xử lý các biến động địa chất, ngập lụt; xác định lưu vực, hướng thoát nước cho toàn vùng và các khu vực chức năng.

- Về định hướng cấp nước: đánh giá về tài nguyên nước mặt và nước ngầm; đề xuất quy mô và công suất các công trình đầu mối cấp nước. Tính toán bổ sung nhu cầu cấp nước cho vùng gồm các khu vực đô thị và nông thôn, khu chức năng, phù hợp với các quy hoạch xây dựng cấp tỉnh có liên quan; xây dựng kế hoạch khai thác sử dụng hồ, đập, kênh tưới đa mục đích, các giải pháp bảo vệ nguồn nước và công trình đầu mối, đặc biệt là nguồn nước ngầm.

- Về định hướng cấp điện: xác định tiêu chuẩn, dự báo nhu cầu sử dụng điện; đề xuất nguồn điện, đề xuất các giải pháp cấp điện cấp vùng cho từng giai đoạn quy hoạch. Đề xuất giải pháp chiếu sáng thông minh, đề xuất sử dụng nguồn năng lượng khác (nếu có).

- Về định hướng thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: dự báo công suất, quy mô của các trạm xử lý nước, trạm bơm cho các khu vực dự kiến phát triển đô thị đến năm 2030 và dài hạn đến năm 2040. Xác định các công trình đầu mối xử lý chất thải rắn, nghĩa trang phù hợp Quy hoạch tỉnh và định hướng của huyện, đảm bảo phát triển lâu dài, đề xuất các giải pháp thực hiện, triển khai.

- Về định hướng hạ tầng viễn thông: định hướng quy hoạch hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động, dự kiến các công trình đầu mối theo từng giai đoạn quy hoạch, mở rộng hệ thống viễn thông công cộng đáp ứng nhu cầu sử dụng theo từng đơn vị hành chính, đáp ứng phát triển kinh tế xã hội.

e) Đề xuất các giải pháp bảo vệ môi trường:

Xác định những vấn đề môi trường có phạm vi tác động lớn, hiện trạng nguồn gây ô nhiễm lớn, các vùng bị suy thoái môi trường, các vùng sinh thái cảnh quan, xác định các nội dung bảo vệ môi trường ở quy mô cấp vùng, dự báo các vấn đề môi trường do tác động của việc lập và thực hiện quy hoạch, đề xuất các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu các vấn đề môi trường.

f) Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư

- Đề xuất các dự án ưu tiên đầu tư chủ yếu tạo động lực phát triển đô thị về cơ sở hạ tầng kỹ thuật, xã hội và bảo vệ môi trường.

- Phân kỳ đầu tư, dự báo nhu cầu vốn và kiến nghị nguồn vốn đầu tư.

g) Quy định quản lý quy hoạch xây dựng vùng

Căn cứ theo điều 9, Nghị định số 44/2015/NĐ-CP kèm theo các sơ đồ.

9. Hồ sơ sản phẩm và tiến độ thực hiện

9.1. Thành phần hồ sơ nhiệm vụ quy hoạch:

a. Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng.

b. Bản đồ ranh giới, phạm vi nghiên cứu lập quy hoạch xây dựng vùng, tỷ lệ 1/25.000.

c. Thuyết minh nhiệm vụ và các văn bản pháp lý liên quan.

9.2. Thành phần hồ sơ đồ án quy hoạch:

a. Danh mục bản vẽ:

- Sơ đồ vị trí và liên hệ vùng;

- Bản đồ hiện trạng vùng; tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ phân vùng quản lý phát triển; tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ định hướng phát triển không gian vùng; tỷ lệ 1/25.000.

- Bản đồ định hướng phát triển mạng lưới giao thông; tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ định hướng chuẩn bị kỹ thuật; tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ định hướng phát triển hệ thống cấp nước; tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ định hướng phát triển hệ thống thoát nước và xử lý nước thải, quản lý chất thải rắn, nghĩa trang; tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ định hướng phát triển hệ thống điện và cung cấp năng lượng; tỷ lệ 1/25.000;

- Bản đồ định hướng phát triển hệ thống hạ tầng viễn thông thụ động; tỷ lệ 1/25.000;

- Quy cách thể hiện hồ sơ theo Thông tư số 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng Quy định về hồ sơ của nhiệm vụ và hồ sơ đồ án quy hoạch xây dựng vùng liên huyện, quy hoạch xây dựng vùng, quy hoạch đô thị, quy hoạch xây dựng khu chức năng và quy hoạch nông thôn.

b. Thuyết minh quy hoạch

Nêu đầy đủ các nội dung của đồ án được quy định tại khoản 2, điều 4 Thông tư 04/2022/TT-BXD ngày 24/10/2022 của Bộ Xây dựng. Thuyết minh đồ án quy hoạch phải có bảng biểu thống kê, phụ lục tính toán, hình ảnh minh họa và hệ thống sơ đồ, bản vẽ thu nhỏ khổ A3 với ký hiệu và ghi chú rõ ràng, được sắp xếp kèm theo nội dung cho từng phần của thuyết minh liên quan;

Phụ lục và bản vẽ kèm theo thuyết minh gồm: Các giải trình, luận cứ bổ sung cho thuyết minh; bảng biểu, số liệu tính toán thể hiện kết quả nêu tại thuyết minh; bản vẽ khổ A3; văn bản pháp lý liên quan.

c. Quy định quản lý theo quy hoạch vùng huyện: Nội dung theo quy định tại Điều 9 Nghị định 44/2015/NĐ-CP và phải có các sơ đồ kèm theo.

d. Tờ trình và dự thảo Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch vùng huyện.

e. Hồ sơ lưu trữ và số lượng: Đảm bảo theo quy định tại khoản 1, 2, điều 38 của Thông tư 04/2022/TT-BXD của Bộ Xây dựng, số lượng hồ sơ lưu trữ tối thiểu 07 bộ.

f. Yêu cầu về nội dung, hình thức và đối tượng lấy ý kiến:

- Nhiệm vụ quy hoạch: Nhiệm vụ quy hoạch và bản vẽ kèm theo, trong đó thể hiện rõ nội dung chủ yếu của nhiệm vụ quy hoạch vùng huyện quy định tại Điều 3, Thông tư 04/2022/TT-BXD.

- Đồ án quy hoạch: Thuyết minh tóm tắt và các bản vẽ kèm theo, trong đó thể hiện rõ nội dung chủ yếu của đồ án quy hoạch vùng huyện quy định tại Điều 4, Thông tư 04/2022/TT-BXD.

- Hình thức lấy ý kiến: Điều 16, Điều 17, Luật Xây dựng, gửi hồ sơ, tài liệu hoặc tổ chức hội nghị, hội thảo. Cơ quan, tổ chức được lấy ý kiến có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

- Việc lấy ý kiến cộng đồng dân cư về nhiệm vụ và đồ án quy hoạch được thực hiện thông qua lấy ý kiến của đại diện cộng đồng dân cư bằng hình thức phát phiếu điều tra, phỏng vấn. Đại diện cộng đồng dân cư có trách nhiệm tổng hợp ý kiến của cộng đồng dân cư theo quy định của pháp luật về thực hiện dân chủ ở cơ sở.

Đối tượng lấy ý kiến: Các địa phương lân cận; Chuyên gia về lĩnh vực quy hoạch; Đại diện các tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp có liên quan; Đại diện cộng đồng dân cư thuộc phạm vi ảnh hưởng của đồ án quy hoạch.

10. Dự toán kinh phí, tiến độ thực hiện

- Cơ sở tính toán kinh phí: Thông tư số 20/2019/TT-BXD ngày 31/12/2019 của Bộ Xây dựng về việc Hướng dẫn xác định, quản lý chi phí quy hoạch xây dựng và quy hoạch đô thị.

- Nguồn vốn: Ngân sách huyện Bàu Bàng.

- Kế hoạch và tiến độ lập quy hoạch: Thời gian lập quy hoạch vùng huyện được quy định tại điểm b, khoản 3, điều 2 Nghị định 72/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng.

- Thời gian triển khai thực hiện đồ án quy hoạch: Thời gian lập quy hoạch chung đô thị được quy định tại điểm b, khoản 3, điều 2 Nghị định 72/2019/NĐ-CP sửa đổi Nghị định 37/2010/NĐ-CP về lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch đô thị và Nghị định 44/2015/NĐ-CP hướng dẫn về quy hoạch xây dựng.

- Trách nhiệm thực hiện: UBND huyện Bàu Bàng có trách nhiệm phối hợp cùng đơn vị tư vấn thiết kế; cung cấp về số liệu, tài liệu ... để phục vụ thực hiện dự án cũng như lên tiến độ thực hiện cụ thể.

Điều 2. Quyết định này thay thế Quyết định số 3821/QĐ-UBND ngày 20/12/2019 của UBND Bình Dương về việc phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070 và Quyết định số 1636/QĐ-UBND ngày 25/6/2021 của UBND Bình Dương về việc điều chỉnh, bổ sung nhiệm vụ quy hoạch xây dựng vùng huyện Bàu Bàng đến năm 2040, tầm nhìn đến năm 2070.

Điều 3. Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng có trách nhiệm tổ chức triển khai lập đồ án quy hoạch theo điều chỉnh nhiệm vụ được phê duyệt, đảm bảo các quy chuẩn, tiêu chuẩn hiện hành.

Điều 4. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Giao thông vận tải, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bàu Bàng và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này, kể từ ngày ký./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
Đã ký: Võ Văn Minh